TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2021
"V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tiếu và bà Tưởng Thị Thu

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị D, sinh năm 1990.

* *Bị đơn:* Anh Cầm Văn X, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn YC, xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và phiên hòa giải ngày 02/12/2020, nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X qua tự nguyện, tự do tìm hiểu nhau đã có quan hệ vợ chồng từ năm 2007 đến năm 2009 thì tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống với nhau tại thôn LT (nay là thôn YC), xã YN, huyện Chiêm Hóa, nhưng kể từ đó cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì giữa chị D và anh X phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau,

anh X không tin tưởng, nghi ngờ ghen tuông đánh đập chị D và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị D xác định tình cảm không còn đối với anh X, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Cầm Văn X theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh X có 02 con là Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 và Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012, hiện nay các con đang sống cùng anh X. Chị D có quan điểm, hiện nay các con đều có bệnh khuyết tật về trí tuệ nên trách nhiệm nuôi con sẽ mỗi người nuôi dưỡng 01 con, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, cháu C sẽ do anh X trực tiếp nuôi dưỡng và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Giữa chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2020, phiên hòa giải ngày 02/12/2020, bị đơn anh Cầm Văn X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cầm Văn X xác nhận việc anh và chị Đặng Thị D qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn LT (nay là thôn YC), xã YN, huyện Chiêm Hóa, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X có nghi ngờ chị D có mối quan hệ với người đàn ông khác, giữa anh chị không có sự tin tưởng lẫn nhau và dẫn đến cãi vã nên anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh X nhất trí với việc khởi kiện của chị D, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống của anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh X xác nhận trong quá trình chung sống giữa anh và chị D có 02 con là Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 và Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012, anh X nhất trí giải quyết quyền nuôi con theo trình bày của chị D, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, cháu T sẽ do chị D trực tiếp nuôi và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản xác minh lập ngày 04/12/2020 tại UBND xã YN xác nhận hộ gia đình anh Cầm Văn X và chị Đặng Thị D thuộc diện hộ nghèo năm 2020; hai cháu Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 và Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012 bị khuyết tật về trí tuệ, mức độ nặng, đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đều thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39; 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị D, xác định Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh X không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 cho anh Cầm Văn X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012 cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị D và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh X không phải chịu án phí DSST ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Cầm Văn X, nhưng anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cầm Văn X, có hộ khẩu thường trú tại: xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã YN, huyện Chiêm Hóa (nơi chị D và anh X đã sinh sống) xác định chị D và anh X chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mối quan hệ của chị D và anh X không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Đặng Thị D yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa chị và anh Cầm Văn X, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị D, không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị D và anh X có 02 con là Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 và Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012 (quá trình xác minh tại UBND xã YN xác định cháu C và cháu T bị khuyết tật về trí tuệ, mức độ nặng, đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng), do vậy cháu C và cháu T không thể tự trình bày quan điểm của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình được; chị D và anh X đều thống nhất giải quyết quyền nuôi con như sau; anh X là người trực tiếp nuôi cháu C, chị D là người trực tiếp nuôi cháu T và không phát sinh về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; HĐXX căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Cầm Thanh C cho anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Cầm Phương T cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh X đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, do vậy HĐXX cũng không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh X không phải chịu án phí (hộ gia đình anh Cầm Văn X và chị Đặng Thị D thuộc diện hộ cận nghèo của xã năm 2020, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên nguyên đơn chị D không có đơn đề nghị do vậy không xem xét miễn án phí cho chị D).

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị D; không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị D và anh Cầm Văn X là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cầm Thanh C, sinh ngày 09/8/2009 cho anh Cầm Văn X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Cầm Phương T, sinh ngày 25/6/2012 cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Chị D đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002912 ngày 27/10/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã YN, C.Hóa,TQ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Hạnh Quỳnh